

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: SINH HỌC 10
Năm học: 2025 - 2026

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1: Trong chu kỳ tế bào, DNA và NST nhân đôi ở pha

- A. G1.
- B. Nguyên phân
- C. G2.
- D. S.

Câu 2: Hoạt động nào sau đây xảy ra trong pha G1 của kì trung gian trong chu kì tế bào?

- A. Tế bào tổng hợp thêm bào quan và tế bào chất, chuẩn bị cho nhân đôi DNA.
- B. Trung thể tiến hành nhân đôi để chuẩn bị cho sự hình thành thoi phân bào.
- C. Phân tử DNA tiến hành nhân đôi để tạo hai bản sao giống nhau.
- D. Nhiễm sắc thể nhân đôi tạo thành hai cromatit gắn với nhau ở tâm động.

Câu 3: Chu kì tế bào là gì?

- A. Khoảng thời gian giữa hai lần phân bào liên tiếp của một tế bào.
- B. Quá trình tế bào tăng trưởng và phân chia thành hai tế bào con.
- C. Quá trình nhân đôi DNA và phân li nhiễm sắc thể.
- D. Sự phân chia tế bào tạo ra các tế bào con giống nhau.

Câu 4: Trong giảm phân, ở kì nào các cặp nhiễm sắc thể tương đồng phân li độc lập và di chuyển về hai cực của tế bào?

- A. Kì sau II.
- B. Kì đầu I.
- C. Kì giữa II.
- D. Kì sau I.

Câu 5: Đặc điểm nào sau đây là sự khác nhau cơ bản giữa nguyên phân và giảm phân?

- A. Nguyên phân chỉ xảy ra ở tế bào sinh dục chín còn giảm phân chỉ xảy ra ở tế bào sinh dưỡng.
- B. Nguyên phân trải qua 2 lần phân bào, còn giảm phân trải qua 1 lần phân bào.
- C. Nguyên phân chỉ xảy ra ở tế bào sinh dưỡng còn giảm phân chỉ xảy ra ở tế bào sinh dục chín.
- D. Từ 1 tế bào mẹ, qua nguyên phân cho 4 tế bào con, còn qua giảm phân cho 2 tế bào con

Câu 6: So với phương pháp sinh sản hữu tính, phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật có ưu điểm nào sau đây?

- A. Tiến hành dễ dàng và tiết kiệm chi phí nhân giống.
- B. Tạo ra cây giống thích nghi với nhiều điều kiện môi trường.
- C. Tạo ra số lượng lớn cây giống đồng nhất về mặt di truyền.
- D. Tiến hành trong môi trường tự nhiên, không tốn công sức.

Câu 7: Vi sinh vật là gì?

- A. Sinh vật đơn bào, chỉ nhìn rõ dưới kính hiển vi.
- B. Sinh vật nhân sơ, chỉ nhìn rõ dưới kính hiển vi.
- C. Sinh vật kí sinh trên cơ thể sinh vật khác.
- D. Sinh vật có kích thước nhỏ bé, kích thước hiển vi.

Câu 8: Vi sinh vật có khả năng tổng hợp chitin, cellulose. Đây là ví dụ về quá trình tổng hợp nào của vi sinh vật?

- A. Tổng hợp lipid
- B. Tổng hợp nucleic acid
- C. Tổng hợp protein
- D. Tổng hợp cacbohydrat

Câu 9: Cho các nhóm sinh vật sau đây:

(1) Vi khuẩn; (2) Động vật nguyên sinh; (3) Động vật không xương sống;
(4) Vi nấm; (5) Vi tảo; (6) Rêu.

Số nhóm sinh vật thuộc nhóm vi sinh vật là

- A. 3. B. 4. C. 6. D. 5.

Câu 10: Vi sinh vật bao gồm những nhóm sinh vật nào sau đây?

- A. Tảo đơn bào và các loài nguyên sinh động vật.
B. Vi khuẩn và các loài nấm đa bào kích thước lớn.
C. Virus và các loài động vật nguyên sinh.
D. Vi khuẩn, tảo đơn bào, động vật nguyên sinh và vi nấm.

Câu 11: Nhóm nào sau đây không phải vi sinh vật?

- A. Vi khuẩn.
B. Tảo đơn bào.
C. Rêu.
D. Động vật nguyên sinh.

Câu 12: Vi sinh vật là những sinh vật có đặc điểm nào sau đây?

- A. Có kích thước hiển vi, cấu tạo đơn giản và thường quan sát được bằng kính hiển vi.
B. Có kích thước nhỏ, cấu tạo phức tạp và sống chủ yếu trong nước.
C. Có kích thước rất nhỏ nhưng đều thuộc nhóm sinh vật đa bào.
D. Là những sinh vật có kích thước nhỏ hơn các loài động vật.

Câu 13: Sản phẩm của quá trình tổng hợp carbohydrate ở đa số vi sinh vật là

- A. monopeptide.
B. polysaccharide.
C. polypeptide.
D. monosaccharide.

Câu 14: NST đơn phân li ở kỳ nào của giảm phân II?

- A. Kỳ cuối B. Kỳ giữa C. Kỳ đầu D. Kỳ sau

Câu 15: Trong y học, để chữa bệnh ung thư người ta dùng những phương pháp nào?

- A. Phẫu thuật, xạ trị, hoá trị, điều trị bằng tế bào gốc,...
B. Không chữa trị vì không có thuốc đặc trị.
C. Phẫu thuật, dùng thuốc kháng sinh, thuốc kháng viêm.
D. Chữa bệnh nhờ thầy lang.

Câu 16: Phương pháp nghiên cứu vi sinh vật nào sau đây dùng để nghiên cứu hình dạng, kích thước của một số nhóm vi sinh vật?

- A. Phương pháp phân lập vi sinh vật.
B. Phương pháp nuôi cấy.
C. Phương pháp quan sát bằng kính hiển vi.
D. Phương pháp định danh vi khuẩn.

Câu 17: Hoạt động chủ yếu diễn ra ở pha S của kì trung gian là

- A. tăng kích thước tế bào.
B. nhân đôi DNA và NST.
C. tổng hợp các bào quan.
D. tổng hợp và tích lũy các chất.

Câu 18: Nguyên phân tạo ra các tế bào con có vật chất di truyền giống hệt nhau chủ yếu là nhờ

- A. sự co xoắn cực đại của NST và sự biến mất của nhân con.
B. sự dẫn xoắn cực đại của NST và sự biến mất của màng nhân.
C. sự nhân đôi chính xác DNA và sự phân li đồng đều của các NST.
D. sự nhân đôi chính xác DNA và sự biến mất của màng nhân.

Câu 19: Sản phẩm được tạo ra sau quá trình phân giải các hợp chất carbohydrate ở vi sinh vật là

- A. đường đơn. B. tinh bột. C. đường đôi. D. cellulose.

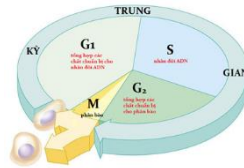
Câu 20: Sản phẩm được tạo ra sau quá trình phân giải các protein ở vi sinh vật là

- A. đường đơn.
B. nucleic.
C. amino acid.
D. đường đôi.

Câu 21: Vi sinh vật có khả năng lên men ethanol từ tinh bột. Đây là ví dụ về quá trình phân giải nào của vi sinh vật?

- A. Phân giải nucleic acid B. Phân giải protein
C. Phân giải lipid D. Phân giải cacbohydrat

Câu 22: Hình dưới đây mô tả các giai đoạn trong chu kỳ tế bào. Cho các phát biểu sau:



I. Pha G1 tổng hợp các chất giúp tế bào lớn lên, và các chất chuẩn bị cho quá trình nhân đôi DNA.

II. Pha S diễn ra quá trình nhân đôi DNA và nhân đôi nhiễm sắc thể.

III. Pha G2 tổng hợp các chất chuẩn bị cho quá trình phân bào.

IV. Pha M thực hiện quá trình phân chia nhân và phân chia tế bào chất.

Có bao nhiêu phát biểu đúng?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 1.

Câu 23: Các vi sinh vật tổng hợp lipid từ nguyên liệu là

- A. glycerol và acid béo. B. amino acid.
C. glucose. D. nucleotide.

Câu 24: Phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về chu kỳ tế bào?

- A. Chu kỳ tế bào là hoạt động sống có tính chất chu kỳ.
B. Kết quả là từ một tế bào mẹ ban đầu hình thành 2 tế bào con.
C. Diễn ra từ lần phân bào này đến lần phân bào tiếp theo
D. Chu kỳ tế bào là hoạt động sống chỉ diễn ra ở sinh vật đa bào.

Câu 25: Tính toàn năng của tế bào là

- A. khả năng tế bào tạo thành giao tử tham gia quá trình sinh sản.
B. khả năng tế bào phân chia một cách bình thường.
C. khả năng biệt hóa và phân biệt hoá thành những loại tế bào khác nhau trong cơ thể.
D. khả năng tế bào phân chia tạo thành khối mô.

Câu 26: Giảm phân là hình thức phân bào xảy ra ở loại tế bào nào sau đây?

- A. Tế bào giao tử.
B. Tế bào sinh dục chín.
C. Tế bào sinh dưỡng.
D. Tế bào sinh dục sơ khai.

Câu 27: Công nghệ tế bào là ngành kỹ thuật sử dụng các phương pháp nào sau đây?

- A. Quy trình kỹ thuật tạo ra cơ quan hoặc cơ thể hoàn chỉnh.
B. Quy trình nuôi cấy tế bào hoặc mô để tạo cơ quan, cơ thể hoàn chỉnh.
C. Quy trình ứng dụng các kỹ thuật di truyền trong tế bào sống.
D. Quy trình duy trì và nhân giống các giống cây trồng hoàn chỉnh.

Câu 28: Công nghệ tế bào được xây dựng dựa trên nguyên lý nào sau đây?

- A. Tính toàn năng của tế bào trong cơ thể sinh vật.
B. Khả năng biệt hoá của các tế bào trong cơ thể.
C. Khả năng phản biệt hoá của các tế bào đã chuyên hoá.

D. Tính toàn năng cùng khả năng biệt hoá và phản biệt hoá của tế bào.

Câu 29: Từ một cây hoa quý hiếm, bằng cách áp dụng kỹ thuật nào sau đây có thể nhanh chóng tạo ra nhiều cây có kiểu gen giống nhau và giống với cây hoa ban đầu?

A. Nuôi cấy hạt phấn.

B. Nuôi cấy mô.

C. Nuôi cấy noãn chưa thụ tinh.

D. Lai hữu tính.

Câu 30: “Các cặp nhiễm sắc thể kép tương đồng tập trung thành hai hàng trên mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào”. Đây là đặc điểm của

A. kì giữa I.

B. kì giữa II.

C. kì sau I.

D. kì sau II.

Câu 31: Quá trình giảm phân xảy ra ở loại tế bào nào sau đây?

A. Tế bào sinh dưỡng.

B. Tế bào sinh dục sơ khai.

C. Tế bào sinh dục chín.

D. Tế bào giao tử.

Câu 32: Sự kiện nào sau đây không xảy ra tại kì đầu của lần giảm phân I?

A. Nhiễm sắc thể kép trong cặp tương đồng có thể trao đổi chéo.

B. Nhiễm sắc thể đơn tự nhân đôi thành nhiễm sắc thể kép.

C. Màng nhân và nhân con dần tiêu biến.

D. Nhiễm sắc thể kép trong cặp tương đồng tiếp hợp.

Câu 33: Giảm phân có thể tạo ra nhiều loại giao tử có kiểu gene khác nhau là do

A. sự trao đổi đoạn giữa các NST ở kì đầu I kết hợp với sự phân li và tổ hợp ngẫu nhiên của các NST ở kì sau II.

B. sự trao đổi đoạn giữa các NST ở kì đầu II kết hợp với sự phân li và tổ hợp ngẫu nhiên của các NST ở kì sau I.

C. sự trao đổi đoạn giữa các NST ở kì đầu I kết hợp với sự phân li và tổ hợp ngẫu nhiên của các NST ở kì sau I.

D. sự trao đổi đoạn giữa các NST ở kì đầu II kết hợp với sự phân li và tổ hợp ngẫu nhiên của các NST ở kì sau II.

Câu 34: Mục đích của bước nhuộm mẫu vật trong quy trình làm tiêu bản quan sát quá trình nguyên phân và giảm phân của tế bào là

A. làm cho NST bắt màu, giúp nhận biết được NST của tế bào ở các kì phân bào.

B. làm cho tế bào chất bắt màu, giúp nhận biết được NST của tế bào ở các kì phân bào.

C. làm cho màng nhân biến mất, giúp nhận biết được NST của tế bào ở các kì phân bào.

D. làm cho các NST ngừng di chuyển, giúp nhận biết được NST của tế bào ở các kì phân bào.

Câu 35: Ở bước nhuộm mẫu trong quy trình làm tiêu bản quá trình nguyên phân của tế bào, việc đun nóng nhẹ ống nghiệm chứa rẽ hành cùng thuốc nhuộm nhằm

A. giúp ngăn chặn nước đi vào trong tế bào.

B. giúp ngăn chặn thuốc nhuộm đi vào trong tế bào.

C. giúp nước đi vào tế bào dễ dàng hơn.

D. giúp thuốc nhuộm đi vào tế bào dễ dàng hơn.

Câu 36: Khi thực hiện các bước làm và quan sát tiêu bản quá trình nguyên phân, sau khi cố định mẫu chúng ta cần thực hiện bước

A. làm tiêu bản.

B. nhuộm mẫu vật.

C. quan sát tiêu bản.

D. quan sát mẫu vật.

Câu 37: Cơ sở khoa học của công nghệ tế bào thực vật là

- A. dùng môi trường dinh dưỡng có bổ sung các hormone thực vật thích hợp tạo điều kiện để nuôi cấy các tế bào thực vật tái sinh thành mô thực vật.
- B. dùng môi trường dinh dưỡng có bổ sung các khoáng chất thích hợp tạo điều kiện để nuôi cấy các tế bào thực vật tái sinh thành mô thực vật.
- C. dùng môi trường dinh dưỡng có bổ sung các hormone thực vật thích hợp tạo điều kiện để nuôi cấy các tế bào thực vật tái sinh thành các cây.
- D. dùng môi trường dinh dưỡng có bổ sung các khoáng chất thích hợp tạo điều kiện để nuôi cấy các tế bào thực vật tái sinh thành các cây.

Câu 38: Kỹ thuật nào của công nghệ tế bào thường được áp dụng nhằm nhân nhanh số lượng lớn cây ở những loài quý hiếm có thời gian sinh trưởng chậm?

- A. Nhân bản vô tính.
- B. Nuôi cấy mô tế bào.
- C. Lai tế bào sinh dưỡng.
- D. Nuôi cấy hạt phấn hoặc noãn chưa thụ tinh.

Câu 39: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về cừu Dolly được tạo ra bằng phương pháp nhân bản vô tính?

- A. Quá trình tạo ra cừu Dolly không thông qua sự giảm phân và thụ tinh.
- B. Cừu Dolly chỉ mang vật chất di truyền của cừu cho nhân.
- C. Cừu Dolly có tuổi thọ dài hơn những con cừu bình thường khác.
- D. Cừu Dolly không trải qua giai đoạn phát triển trong tử cung của cừu cái.

Câu 40: Đặc điểm nào sau đây **không** phải là đặc điểm của nhóm vi sinh vật?

- A. Sinh trưởng nhanh.
- B. Phân bố rộng.
- C. Sinh sản nhanh.
- D. Sinh khối nhỏ.

Câu 41: Một loại vi khuẩn chỉ cần amino acid loại methionine làm chất dinh dưỡng hữu cơ và sống trong hang động không có ánh sáng. Kiểu dinh dưỡng của loại vi khuẩn này là

- A. quang tự dưỡng.
- B. quang dị dưỡng.
- C. hóa dị dưỡng.
- D. hóa tự dưỡng.

Câu 42: Phương pháp nhuộm Gram được sử dụng để phân biệt 2 loại vi sinh vật nào sau đây?

- A. Vi sinh vật tự dưỡng và vi sinh vật dị dưỡng.
- B. Vi khuẩn G^- và vi khuẩn G^+ .
- C. Vi khuẩn hóa dưỡng và vi khuẩn quang dưỡng.
- D. Vi sinh vật nhân sơ và vi sinh vật nhân thực.

Câu 43: Nhóm vi sinh vật nào sau đây gồm toàn các sinh vật nhân sơ?

- A. Tảo đơn bào, nguyên sinh động vật.
- B. Vi nấm, động vật đa bào kích thước hiển vi.
- C. Vi nấm, vi tảo, vi khuẩn.
- D. Vi khuẩn, Archaea.

Câu 44: Môi trường nuôi cấy không liên tục là

- A. môi trường có các yếu tố tối ưu đối với sự phát triển của vi sinh vật.
- B. môi trường không được bổ sung chất dinh dưỡng mới.
- C. môi trường thường xuyên được bổ sung chất dinh dưỡng mới và loại bỏ các sản phẩm trao đổi chất.
- D. môi trường không được bổ sung chất dinh dưỡng mới và không được lấy đi các sản phẩm trao đổi chất.

Câu 45: Hình thức sinh sản phổ biến nhất ở vi sinh vật là

- A. phân đôi.
- B. nảy chồi.
- C. hình thành bào tử.
- D. phân mảnh.

Câu 46: Phát biểu nào sau đây là **không** đúng khi nói về quá trình tổng hợp ở vi sinh vật?

- A. Vi sinh vật có khả năng tổng hợp tất cả các chất thiết yếu cho tế bào như carbohydrate, protein, nucleic acid và lipid.
- B. Con đường hóa tổng hợp là con đường phổ biến và quan trọng nhất để tổng hợp glucose ở vi sinh vật.
- C. Tất cả các amino acid đều được vi sinh vật tổng hợp từ những sản phẩm của quá trình phân giải đường và nguồn nitrogen lấy từ môi trường.
- D. Ở vi sinh vật, lipid được tổng hợp từ các acid béo và glycerol còn nucleic acid được tổng hợp từ đơn phân là nucleotide.

Câu 47: Vi sinh vật có thể hấp thụ được các chất hữu cơ có kích thước phân tử lớn như protein, tinh bột, lipid, cellulose bằng cách nào?

- A. Nhập bào.
- B. Khuếch tán trực tiếp qua màng sinh chất.
- C. Vận chuyển qua các kênh trên màng.
- D. Tiết các enzyme phân giải ngoại bào, sau đó mới hấp thụ vào tế bào.

Câu 48: Đối với sinh vật đa bào, truyền tin giữa các tế bào giúp

- A. tăng tốc độ tiếp nhận và trả lời các kích thích từ môi trường sống của cơ thể.
- B. tạo cơ chế điều chỉnh, phối hợp hoạt động đảm bảo tính thống nhất trong cơ thể.
- C. neo giữ các tế bào đảm bảo cố định các tế bào tại vị trí nhất định trong cơ thể.
- D. tất cả các tế bào trong cơ thể đều tiếp nhận và trả lời kích thích từ môi trường.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/ SAI

Câu 1. Khi nói về kiểu dinh dưỡng của vi sinh vật, xét các nhận định sau. Mỗi nhận định sau đây Đúng hay Sai?

- A. Vi sinh vật quang tự dưỡng sử dụng nguồn năng lượng từ ánh sáng và nguồn carbon là CO_2 .
- B. Vi sinh vật quang dị dưỡng sử dụng nguồn năng lượng và nguồn carbon là chất hữu cơ
- C. Vi khuẩn lam, tảo đơn bào, vi khuẩn lưu huỳnh có kiểu dinh dưỡng là hóa dị dưỡng.
- D. Trong quá trình lên men bia, nấm men sử dụng nguồn năng lượng và nguồn carbon là chất hữu cơ.

Câu 2. Có các phát biểu sau về chu kỳ tế bào và quá trình phân bào. Hãy cho biết mỗi nhận định sau là đúng hay sai?

- a) Chu kỳ tế bào gồm 3 pha theo trình tự : $S \rightarrow G1 \rightarrow G2$.
- b) Pha S hàm lượng DNA trong nhân tế bào tăng gấp bội so với ban đầu.
- c) Ở kì giữa của giảm phân I, các nhiễm sắc thể kép trong cặp tương đồng có sự tiếp hợp và bắt chéo nhau.
- d) Nguyên phân giúp ổn định bộ NST qua các thế hệ.

Câu 3. Xét các nhận định sau về kiểu dinh dưỡng của vi sinh vật. Mỗi nhận định sau đây Đúng hay Sai?

- A. Vi khuẩn nitrat hóa thuộc nhóm vi sinh vật hóa tự dưỡng vì chúng sử dụng CO_2 làm nguồn carbon và chất vô cơ làm nguồn năng lượng.
- B. Vi sinh vật hóa dị dưỡng có thể sử dụng cả chất hữu cơ làm nguồn năng lượng lẫn nguồn carbon.
- C. Vi khuẩn lưu huỳnh màu tía là vi sinh vật hóa tự dưỡng vì nó sử dụng H_2S làm nguồn năng lượng.
- D. Vi khuẩn quang tự dưỡng chỉ có ở môi trường nước vì chúng cần ánh sáng để quang hợp.

Câu 4. Mỗi nhận định sau là đúng hay sai khi nói về quá trình nguyên phân và giảm phân?
 A. Nguyên phân xảy ra ở hầu hết các tế bào sinh dưỡng và tế bào sinh dục sơ khai.
 B. Số lượng nhiễm sắc thể của tế bào con sau giảm phân giống với tế bào mẹ.
 C. Trong giảm phân, có sự trao đổi chéo giữa các nhiễm sắc thể tương đồng, góp phần tạo ra biến dị tổ hợp.
 D. Nguyên phân gồm hai lần phân bào liên tiếp và tạo ra bốn tế bào con có bộ nhiễm sắc thể khác nhau.

Câu 5: Có các phát biểu sau về **vai trò của vi sinh vật trong đời sống và sản xuất**. Hãy cho biết mỗi nhận định sau đây là **Đúng hay Sai**?

- a) Vi sinh vật được sử dụng trong sản xuất thực phẩm như sữa chua, bia và bánh mì. (Đ)
- b) Một số vi sinh vật có khả năng gây bệnh cho người, động vật và thực vật. (Đ)
- c) Tất cả vi sinh vật đều có lợi cho đời sống con người. (S)
- d) Vi sinh vật tham gia phân giải chất hữu cơ và góp phần làm sạch môi trường. (Đ)

Câu 6. Xét các nhận định sau về quá trình nguyên phân và giảm phân. Mỗi nhận định sau đây Đúng hay Sai?

- A. Nguyên phân giúp cơ thể sinh trưởng và duy trì sự ổn định bộ nhiễm sắc thể qua các thế hệ tế bào.
- B. Giảm phân chỉ xảy ra ở tế bào sinh dưỡng của cơ thể động vật.
- C. Trong giảm phân, nhiễm sắc thể phân li về hai tế bào con theo nguyên tắc phân li độc lập, góp phần tạo ra sự đa dạng di truyền.
- D. Cả nguyên phân và giảm phân đều trải qua các kỳ phân bào: kỳ đầu, kỳ giữa, kỳ sau và kỳ cuối.

PHẦN III. TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1. Có 5 tế bào sinh dưỡng tiến hành nguyên phân liên tiếp một số đợt, tạo ra 320 tế bào con, hỏi số lần nguyên phân đã thực hiện là bao nhiêu?

Câu 2: Một tế bào sinh dục sơ khai của một loài có bộ nhiễm sắc thể $2n = 18$ tiến hành giảm phân bình thường. Hỏi mỗi tế bào con sau giảm phân có bao nhiêu nhiễm sắc thể?

Câu 3. Cho các nhận định sau về kiểu dinh dưỡng của vi sinh vật:

- (1) Vi khuẩn lam thường có kiểu dinh dưỡng quang tự dưỡng.
- (2) Nấm men thường có kiểu dinh dưỡng hóa dị dưỡng.
- (3) Vi khuẩn nitrat hóa thường có kiểu dinh dưỡng quang tự dưỡng.
- (4) Một số vi khuẩn lưu huỳnh có kiểu dinh dưỡng hóa tự dưỡng.

Có bao nhiêu nhận định **đúng**?

Câu 4: Cho các nhận định sau về vai trò của vi sinh vật trong tự nhiên:

- (1) Phân giải xác sinh vật và chất hữu cơ trong môi trường.
- (2) Tham gia vào các chu trình sinh địa hóa như chu trình nitơ và cacbon.
- (3) Tổng hợp chất hữu cơ từ chất vô cơ trong quá trình quang hợp hoặc hóa tổng hợp.
- (4) Tham gia hình thành và cải tạo đất.

Có bao nhiêu nhận định **đúng**?

Câu 5: Một nhóm 5 tế bào sinh dưỡng của loài có $2n = 14$ cùng nguyên phân 3 lần. Hỏi tổng số tế bào con được tạo ra là bao nhiêu?

Câu 6. Có 8 tế bào sinh tinh của một loài tiến hành giảm phân, biết loài này có bộ NST $2n=40$, tổng số NST của các giao tử là bao nhiêu?

PHẦN IV. TỰ LUẬN:

Câu 1. Không hút thuốc nhưng thường xuyên ngửi khói thuốc lá của những người hút thuốc xung quanh liệu chúng ta có nguy cơ bị bệnh ung thư không? Nếu có thì khả năng bị bệnh ung thư gì là cao nhất?

Câu 2. Điện thoại di động có gây ung thư không? Sử dụng thuốc nhuộm tóc có làm tăng nguy cơ bị ung thư không?

Câu 3. Phân biệt các kiểu dinh dưỡng ở vi sinh? (Dựa trên tiêu chí nguồn năng lượng và nguồn carbon)

Câu 4. Trong nông nghiệp, phương pháp giâm cành và chiết cành dựa trên cơ sở khoa học của quá trình phân bào nào? Tại sao các cây con được tạo ra bằng phương pháp này lại giữ nguyên được các đặc tính quý từ cây mẹ?

Câu 5. Theo kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trong 10 năm gần đây cho thấy số ca mắc bệnh ung thư ở người trẻ tuổi đã tăng trên 79,1% với tỷ lệ tử vong cũng tăng hơn 27,7%. Em hãy đề xuất một số biện pháp phòng tránh, chữa trị bệnh ung thư?

-----Hết-----